

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ
2. Ông Lương Văn Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1971 (có đơn xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp Vĩnh Hòa B, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An G.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 18, Ấp Phú A 2, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 14/8/2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa bà và ông S kết hôn do cha mẹ định, có tổ chức đám cưới năm 1989 và đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An G số 442 ngày 03/01/2002. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông S thường xuyên xuyên say sìn, kiếm

chuyện chửi mắng và đánh đập bà. Bà nhiều lần khuyên nhưng ông S không thay đổi. Giữa bà và ông S ly thân nhau từ 8/2011 đến nay; Trong khoảng thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà yêu cầu ly hôn với ông S vì không còn tình cảm.

- Về con chung: có 03 con chung: Nguyễn Thị Trúc H, sinh ngày 23/6/1990, Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/02/1993 và Nguyễn Thị Mỹ Ph, sinh ngày 15/11/1996, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn S* : Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông S không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

1.1 *Về quan hệ tranh chấp:* bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 *Về thẩm quyền giải quyết:* Biên bản xác minh về nơi cư trú của đương sự tại Công an xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ngày 27/12/2019 thể hiện bị đơn ông S có nơi cư trú tại ấp Phú An 2, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An G, và hiện nay ông S có mặt tại địa phương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An G.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Ông S không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đồng thời, ông S không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An G số 442 ngày 03/01/2002 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L với ông S. Mục đích tạo điều kiện cho ông bà được đoàn tụ; Tuy nhiên, bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn; Ông S không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Điều này, thể hiện ông S không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy cả hai đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014. Do đó, yêu cầu của bà L có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động. Do đó HĐXX không xem xét

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà L, ông S có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn S

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004447 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang

